22. „Diamond rolling out for line up and wait“: Kim cương lăn bánh ra so hàng phi đạo và chờ.

23. 35-2400 Rich là cơ chế lấy cao độ: 35“manifold pressure, 2400rpm (vòng/phút), xăng hỗn hợp giàu (toàn tải).

24. „Panama, Diamond heading to target #2“: (Đài kiểm báo) Panama, (Phi tuần) Kim cương lấy hướng đi đến mục tiêu #2, không nói ra địa điểm vì để giữ bí mật quân sự, lại nữa Đ/úy Giao TPHQ/ Trung tâm Kiểm báo Panama đã có mặt trong buổi họp HQ.

25. „squawk IFF (identify friend or foe)“: là mở máy phát tín hiệu ‚transponder‘ để nhận dạng bạn hay địch.

‚ResCap‘ là ‚Rescue Combat Air Patrol‘: Đội cứu vớt phi công lâm nạn.

26. ‚cowl flaps‘ là nắp đậy máy, tự động đóng lại nhưng khi máy quá nóng, làm dầu loãng ra thì phải mở nắp đậy bằng tay (manual).

27. ‚stratocumulus‘ là mây tầng tích là mây thấp có hình giống như cuộn bông gòn trải dài.

28. ‚AEW&C‘ là chữ viết tắt của ‚Airborne Early Warning & Control‘: là phi cơ làm đài trên không có phương tiện ra-đa theo dõi hoạt động hàng không địch để thông báo cho phi cơ bạn biết trước.

29. ‚E-6B flight computer‘, thường được gọi là „whiz wheel“, là cây thước đo giờ bay, hướng,...sử dụng trong hàng không để lập phi trình.

30. TOT viết tắt ‚time on target‘ là giờ trên mục tiêu.

31. ‚Arm Bombs Nose&Tail‘: mở khoá an toàn ở mũi & đuôi bom.

32. lật úp phi cơ kéo mũi xuống: phi tác này tiếng Pháp gọi là ‚renversement‘ và tiếng Mỹ gọi là ‚split-S‘.

33. ‚scouting formation‘ là đội hình thám thính áp dụng trong những phi vụ tuần thám hay hộ tống trên lộ hoặc trên sông. Hai phi cơ hoặc hai ‚elements‘ (phi tuần 2 chiếc) bay gần như ngang cánh nhau, để con đường hoặc con sông ở giữa cho cả 2 (phi cơ/ ‚element‘) dễ quan sát. Đội hình thám thính còn gọi là ‚Thach Weave Pattern‘.

Hai chiếc hoặc hai ‚element‘ (phi tuần) bay ngang nhau cách xa chừng 1 nm (dưới 2 km một chút), số 2 bên mặt chẳng hạn. Khi ‚lead‘ muốn đổi hướng thì lắc cánh cho số 2 thấy, rồi quẹo mặt vào số 2. Nếu muốn quẹo trái, thì khi giao nhau, ‚lead‘ nhắp cánh trái (cánh cao) một cái rồi trở cánh quẹo ngược qua trái; số 2 lúc đầu đang quẹo trái vào lead thấy ‚lead‘ nhắp cánh cao thì tiếp tục giữ quẹo trái đến khi nào ‚lead‘ ‚roll out‘ (trở cánh bay thẳng) thì mới thôi; bây giờ thì số 2 nằm bên trái.

Trở lại trường hợp đầu tiên, số 2 nằm bên mặt cho khỏi lộn. Và ‚lead‘ quẹo mặt vào số 2 để đổi hướng. Nếu muốn quẹo mặt, thì lúc giao nhau, ‚lead‘ nhắp cánh mặt (cánh thấp) và tiếp tục giữ quẹo mặt cho đến hướng mình muốn đi thì ‚roll out‘, số 2 đang quẹo trái, khi thấy ‚lead‘ nhắp cánh thấp thì trở cánh quẹo ngược qua mặt ngay, và cũng ‚roll out‘ theo ‚lead‘.

Nếu chỉ muốn đổi bên thôi, thì khi giao nhau, ‚lead‘ nhẹ nhàng trở cánh thăng bằng chớ không nhắp cánh, ‚cross over‘/ ‚under‘ (bay ngang qua đầu/ dưới bụng) tùy theo cao độ rồi mới quẹo trái về hướng đi ban đầu.

Còn nếu muốn đổi hướng 180o thì khi giao nhau, không nhắp cánh, không trở cánh thăng bằng, mà cứ tiếp tục quẹo đến hướng mình muốn rồi mới ‚roll out‘.

Người ‚lead‘ giỏi phải tính (plan) làm sao cho tất cả được an toàn: trường hợp bay cao thì ‚element‘ luôn giữ ở dưới và còn ‚wingman‘ của họ nữa; ở cao độ thấp thì ngược lại, ‚wingman‘ và ‚element‘ luôn ở cao hơn ‚lead‘. ‚Scouting formation‘ đội hình thám thính áp dụng cho ‚armed recce‘ (tuần thám võ trang), ‚escort ship‘/ ‚train‘/ ‚convoy‘ (hộ tống tàu bè/ xe lửa/ đoàn xe), thường ở cao độ thấp, do đó ‚lead‘ ‚set radar altimeter‘ 100 ft còn ‚wingman‘ thì 50 ft.

34. ‚Tacan‘ là viết tắt của chữ ‚tactical air navigation system‘ có nghĩa là hệ thống trợ hành dã chiến dùng cho phi cơ quân sự để định hướng (phương hướng và khoảng cách) đài đặt ở căn cứ địa hoặc trên tàu.

35. DME: ‚distance measurement equipment‘, dụng cụ đo khoảng cách của hệ thống TACAN có khả năng chỉ tầm xa (slant-range) tới 390 hải lý (nautical mile).

36. GCA viết tắt chữ ‚ground-controlled approach‘ là cận tiến có hướng dẫn, có 2 loại: PAR (precision approach radar) là ra-đa dẫn cận tiến chính xác nghĩa là ngoài sự chỉ hướng (course) còn hướng dẫn độ cao (glidepath);

ASR (Airport Surveillance Radar) hướng dẫn cận tiến không có độ chính xác (non-precision Surveillance radar approach with no glidepath guidance)

37. uniform 4 là tần số 4 UHF

38. ‚course‘ là hướng đi

39. ‚glidepath‘ là chiều cao

40. victor 1 là tần số 1 VHF

41. ‚bretelle‘ tiếng Pháp hay ‚rapid exit‘ tiếng Anh có nghĩa là đường di chuyển ra khỏi phi đạo.

42. „Diamond 1 expedite your run to the end of runway, ‚Follow-me‘ stand by to take you to the ramp“: Kim cương 1 chạy nhanh xuống cuối phi đạo, xe „theo tôi“ sẵn sàng dẫn bạn vào bến đậu.

43. ‚traffic baton‘ hay ‚safety wand‘ là gậy đèn để hướng dẫn phi cơ, xe cộ giao thông.